

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG BA ĐÌNH

ĐỀ ÁN
SẮP XẾP TỔ DÂN PHỐ
TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG BA ĐÌNH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
(dự thảo)

Ba Đình, năm 2026

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Tổ dân phố (TDP) là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư, không phải là cấp hành chính; là nơi trực tiếp tổ chức sinh hoạt cộng đồng, vận động Nhân dân thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tham gia phát huy dân chủ ở cơ sở, xây dựng đời sống văn hóa, bảo đảm an ninh, trật tự và thực hiện các phong trào thi đua tại địa bàn dân cư.

Phường Ba Đình, thành phố Hà Nội có diện tích tự nhiên khoảng 2,97 km², dân số 46,515 người với 15,150 hộ gia đình. Trên địa bàn phường hiện nay có 47 tổ dân phố, phân bố tương đối đồng đều.

Trong thời gian qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, sự điều hành của chính quyền địa phương, tình hình kinh tế - xã hội của phường có nhiều chuyển biến tích cực; kết cấu hạ tầng từng bước được đầu tư; đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân ngày càng được nâng lên; quốc phòng, an ninh được giữ vững. Hệ thống chính trị ở cơ sở thường xuyên được củng cố, kiện toàn. Đội ngũ người hoạt động không chuyên trách ở các TDP cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, tích cực tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện tốt các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; tham gia có hiệu quả các phong trào thi đua yêu nước.

Tuy nhiên, hiện nay trên địa bàn phường vẫn còn một số TDP có quy mô số hộ thấp, chưa bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định; bộ máy hoạt động còn cồng kềnh; việc bố trí đội ngũ người hoạt động không chuyên trách còn dàn trải, gây khó khăn trong công tác quản lý, điều hành và làm tăng chi ngân sách nhà nước.

Do đó, việc xây dựng Đề án sắp xếp tổ dân phố trên địa bàn phường Ba Đình là cần thiết nhằm tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;
2. Luật Thủ đô năm 2024;

3. Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 97/2025/QH15;

4. Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở;

5. Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

6. Nghị định số 370/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 150/2025/NĐ-CP;

7. Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;

8. Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 20/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố;

9. Nghị quyết số 21/2026/NQ-HĐND ngày 02/6/2026 của HĐND thành phố Hà Nội quy định về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố; chức danh, số lượng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hà Nội;

10. Căn cứ tình hình thực tiễn về dân số, số hộ, ranh giới, hạ tầng kỹ thuật, thiết chế văn hóa, tổ chức Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và yêu cầu quản lý nhà nước trên địa bàn phường Ba Đình.

III. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về sắp xếp, tổ chức lại tổ dân phố theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu

quả theo quy định tại Nghị định số 185/2026/NĐ-CP; phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và tình hình thực tiễn của địa phương.

- Khắc phục tình trạng tổ dân phố có quy mô nhỏ, số hộ dân ít, phân tán; tạo điều kiện thuận lợi trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành của cấp ủy, chính quyền và hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở.

- Tinh gọn đội ngũ người hoạt động không chuyên trách ở tổ dân phố; nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở, đồng thời sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, nguồn lực và kinh phí từ ngân sách nhà nước.

- Bảo đảm sự ổn định về tổ chức, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; phát huy truyền thống đoàn kết, tạo sự đồng thuận của Nhân dân trong quá trình thực hiện sắp xếp tổ dân phố.

- Bảo đảm phù hợp với quy hoạch, định hướng phát triển đô thị và điều kiện thực tế của địa phương; tạo thuận lợi cho Nhân dân trong sinh hoạt cộng đồng, đi lại và đời sống dân sinh. Đây cũng là cơ sở để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, cải cách hành chính, chuyển đổi số, xây dựng đô thị văn minh và kiện toàn tổ chức đảng, Ban công tác Mặt trận, các chi hội, đoàn thể sau sắp xếp.

2. Yêu cầu

- Bám sát các quy định của pháp luật, chỉ đạo của Trung ương, Thành phố và tình hình thực tiễn của địa phương; bảo đảm thực hiện công khai, dân chủ, khách quan, thận trọng, đúng trình tự, thủ tục và tạo được sự đồng thuận trong Nhân dân.

- Việc sắp xếp tổ dân phố phải được thực hiện trên cơ sở xem xét toàn diện các yếu tố thực tiễn, không thực hiện cơ học hoặc chạy theo chỉ tiêu giảm số lượng; bảo đảm đánh giá đầy đủ tác động đối với công tác quản lý dân cư, hệ thống hạ tầng, thiết chế văn hóa, tổ chức đảng, Ban công tác Mặt trận, các đoàn thể, tình hình an ninh trật tự, cũng như các yếu tố về phong tục, tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo và tính gắn kết lịch sử của cộng đồng dân cư.

- Gắn việc sắp xếp tổ dân phố với phương án bố trí, kiện toàn đội ngũ người hoạt động không chuyên trách ở tổ dân phố; thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đối

với các trường hợp không tiếp tục tham gia công tác theo quy định; bảo đảm ổn định tình hình cơ sở, không để phát sinh khiếu nại, kiến nghị phức tạp.

IV. NGUYÊN TẮC SẮP XẾP

1. Việc sắp xếp tổ dân phố được thực hiện căn cứ vào hiện trạng tổ chức cộng đồng dân cư, quy mô số hộ, dân số, ranh giới, điều kiện hạ tầng và yêu cầu quản lý thực tế; không mặc định loại hình thôn, tổ dân phố theo tên gọi đơn vị hành chính là xã hay phường.

2. Đối với thành phố Hà Nội, việc đổi chiếu tiêu chuẩn quy mô số hộ gia đình phải thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP: thôn phải có từ 500 hộ gia đình trở lên, tổ dân phố phải có từ 700 hộ gia đình trở lên; trường hợp có yếu tố đặc thù thì rà soát, thuyết minh cụ thể theo quy định của Nghị định số 185/2026/NĐ-CP và hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

3. Đối với phường Ba Đình, việc sắp xếp tổ dân phố là sắp xếp tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư, không làm thay đổi địa giới hành chính phường; không làm thay đổi thẩm quyền quản lý nhà nước của UBND phường; không làm phát sinh thủ tục bắt buộc điều chỉnh giấy tờ của cá nhân, hộ gia đình, tổ chức, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Ưu tiên sáp nhập các tổ dân phố liền kề, có ranh giới tiếp giáp, giao thông thuận lợi, dân cư có sự gắn kết về lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán, sinh hoạt cộng đồng.

5. Không sắp xếp cơ học đối với địa bàn có yếu tố đặc thù về lịch sử, văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng, làng nghề, an ninh trật tự hoặc bị chia cắt bởi sông, hồ, đường giao thông lớn, khu công nghiệp, khu đô thị nếu việc sắp xếp làm giảm hiệu quả quản lý và tự quản cộng đồng.

6. Đối với khu chung cư, khu dân cư mới (nếu có), việc thành lập hoặc điều chỉnh tổ dân phố phải căn cứ số hộ thực tế đã cư trú ổn định, điều kiện hạ tầng, địa bàn quản lý và khả năng tổ chức sinh hoạt cộng đồng.

7. Tên gọi tổ dân phố sau sắp xếp phải ngắn gọn, dễ nhớ, phù hợp truyền thống lịch sử, văn hóa, địa danh, không trùng lặp trong cùng phường, không gây nhầm lẫn trong quản lý; việc giữ tên gọi bằng số thứ tự đối với địa bàn đã ổn định cần được thuyết minh rõ để tránh xáo trộn không cần thiết.

8. Quá trình sáp nhập các tổ dân phố phải thực hiện công khai, dân chủ, bảo đảm lấy ý kiến Nhân dân tại địa bàn chịu tác động trực tiếp; ý kiến tham gia của Nhân dân phải được tổng hợp, tiếp thu và giải trình đầy đủ theo quy định.

V. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG TỔ DÂN PHỐ

1. Khái quát đặc điểm địa bàn

Thực hiện Nghị quyết số 1656 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của Thành phố Hà Nội năm 2025, Phường Ba Đình được hình thành trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, dân số của các phường: Quán Thánh, Trúc Bạch; phần lớn diện tích tự nhiên, dân số của các phường: Điện Biên, Ngọc Hà; một phần diện tích tự nhiên, dân số của các phường: Đội Cấn, Kim Mã, Đồng Xuân, Cửa Đông, Cửa Nam và một phần diện tích tự nhiên của phường Thụy Khuê. Phường có diện tích tự nhiên 2,97 km², quy mô dân số 46.515 người với 15.150 hộ gia đình; hiện có 47 tổ dân phố.

Ba Đình giữ vị thế đặc biệt – là trung tâm hành chính - chính trị quốc gia, là trung tâm ngoại giao và văn hóa - di sản của cả nước. Trên địa bàn phường có Phủ Chủ tịch, Quốc Hội, Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Chính phủ, cùng nhiều cơ quan trọng yếu của Đảng và Nhà nước. Đây cũng là nơi thường xuyên diễn ra các sự kiện chính trị, nghi lễ cấp Nhà nước, các hoạt động ngoại giao cấp cao; là địa bàn chiến lược về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, với những yêu cầu đặc biệt trong công tác bảo vệ an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Là địa bàn trung tâm của Thủ đô, phường có 59 tuyến phố, chiều dài 28,12km, với nhiều loại hình kiến trúc đô thị đa dạng như: Khu phố cũ, đô thị thời Pháp thuộc với quy hoạch kiểu châu Âu; khu vực làng xã thuộc Thập tam trại (với các làng Ngọc

Hà, Xuân Biều...); phường có điều kiện kinh tế - xã hội phát triển theo hướng dịch vụ, thương mại, văn hóa và du lịch. Trên địa bàn tập trung nhiều khách sạn, nhà hàng, cơ sở kinh doanh dịch vụ, cửa hàng đặc sản phục vụ hoạt động du lịch văn hóa, tâm linh và các hoạt động chính trị, đối ngoại của Trung ương và Thành phố. Phường Ba Đình có 02 nghề truyền thống được công nhận gồm nghề đúc đồng Ngũ Xã và nghề sản xuất các sản phẩm từ cốm phố Hàng Than; đây là các nghề có giá trị kinh tế, văn hóa và du lịch, góp phần giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống của địa phương.

Về lĩnh vực văn hóa - lịch sử, Ba Đình có hệ thống di tích văn hóa - tôn giáo dày đặc, đa dạng loại hình: Là phường duy nhất của Thủ đô có Di sản văn hóa Thế giới được UNESCO công nhận - Trung tâm Hoàng thành Thăng Long; có các di tích được xếp hạng cấp Quốc gia đặc biệt như Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, Bảo tàng Hồ Chí Minh, Phủ Chủ tịch; có các ngôi chùa nổi tiếng về kiến trúc độc đáo, đa dạng như: Chùa Một Cột, chùa Ngũ Xã, chùa Hòe Nhai, Các đình có giá trị lớn như: Đình Ngũ Xã, An Trì, Ngọc Hà, Xuân Biều, các đền như: Quán Thánh (Trần Bắc Thăng Long), Núi Sưa, Thủy Trung Tiên Cát Triệu,... Bên cạnh đó, phường còn bảo tồn được nhiều lễ hội đậm tính cộng đồng như: Lễ hội Đền Quán Thánh, Đền Núi Sưa, làng Ngũ Xã, lễ hội Đình Ngọc Hà, Đình Hữu Tiệp; di sản văn hóa phi vật thể Lễ hội Tam giáp Xuân Biều – Ngọc Hà – Hữu Tiệp. Với hệ thống di sản văn hóa, lịch sử tập trung với mật độ cao, có giá trị đặc biệt về nhiều mặt, phường Ba Đình giữ vai trò là không gian văn hóa tiêu biểu của Thủ đô; đồng thời là địa bàn trọng điểm trong phát triển du lịch, công nghiệp văn hóa, giáo dục truyền thống và nghiên cứu lịch sử của Thành phố Hà Nội.

Về hạ tầng kinh tế - kỹ thuật của phường được đầu tư đồng bộ, phù hợp quy hoạch hiện đại, góp phần nâng cao chất lượng đời sống dân sinh và phát triển thương mại dịch vụ bền vững. Phường cũng là nơi tập trung một số bệnh viện lớn với cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại, đội ngũ y bác sĩ có trình độ chuyên môn cao như: Xanh Pôn, Hòe Nhai, Hồng Ngọc... Có nhiều trường học chất lượng cao như: THPT

Phan Đình Phùng, THCS Nguyễn Tri Phương, THCS Mạc Đĩnh Chi, Tiểu học Việt Nam - Cu Ba, Tiểu học Phan Chu Trinh, Mẫu giáo Mầm Non A...

2. Hiện trạng số lượng, quy mô

TT	Tên TDP	Số hộ	Dân số	Diện tích (km ²)	Đặc điểm địa bàn	Định hướng
1	Tổ dân phố số 1	320	982	0,014	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
2	Tổ dân phố số 2	281	904	0,022	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
3	Tổ dân phố số 3	386	1244	0,038	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
4	Tổ dân phố số 4	352	1031	0,019	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
5	Tổ dân phố số 5	419	1439	0,039	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
6	Tổ dân phố số 6	255	715	0,051	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
7	Tổ dân phố số 7	261	826	0,018	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
8	Tổ dân phố số 8	371	1477	0,026	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
9	Tổ dân phố số 9	337	1171	0,027	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
10	Tổ dân phố số 10	221	447	0,03	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
11	Tổ dân phố số 11	621	1847	0,038	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
12	Tổ dân phố số 12	343	1011	0,024	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
13	Tổ dân phố số 13	303	909	0,021	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
14	Tổ dân phố số 14	304	1144	0,017	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
15	Tổ dân phố số 15	380	691	0,018	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
16	Tổ dân phố số 16	543	1749	0,071	Dân cư	Sắp xếp

TT	Tên TDP	Số hộ	Dân số	Diện tích (km²)	Đặc điểm địa bàn	Định hướng
					truyền thống	
17	Tổ dân phố số 17	136	212	0,015	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
18	Tổ dân phố số 18	295	944	0,021	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
19	Tổ dân phố số 19	335	1036	0,022	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
20	Tổ dân phố số 20	348	1174	0,014	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
21	Tổ dân phố số 21	265	954	0,025	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
22	Tổ dân phố số 22	324	945	0,017	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
23	Tổ dân phố số 23	213	726	0,007	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
24	Tổ dân phố số 24	90	306	0,006	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
25	Tổ dân phố số 25	98	216	0,013	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
26	Tổ dân phố số 26	406	1058	0,071	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
27	Tổ dân phố số 27	139	453	0,008	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
28	Tổ dân phố số 28	165	500	0,098	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
29	Tổ dân phố số 29	243	681	0,015	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
30	Tổ dân phố số 30	303	801	0,021	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
31	Tổ dân phố số 31	398	1361	0,016	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
32	Tổ dân phố số 32	607	1457	0,032	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
33	Tổ dân phố số 33	399	1557	0,017	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
34	Tổ dân phố số 34	461	1603	0,018	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
35	Tổ dân phố số 35	546	1541	0,021	Dân cư	Sắp xếp

TT	Tên TDP	Số hộ	Dân số	Diện tích (km ²)	Đặc điểm địa bàn	Định hướng
					truyền thống	
36	Tổ dân phố số 36	287	1029	0,013	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
37	Tổ dân phố số 37	488	1404	0,022	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
38	Tổ dân phố số 38	440	1288	0,031	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
39	Tổ dân phố số 39	374	1073	0,001	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
40	Tổ dân phố số 40	318	950	0,001	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
41	Tổ dân phố số 41	304	922	0,001	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
42	Tổ dân phố số 42	250	803	0,002	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
43	Tổ dân phố số 43	400	947	0,025	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
44	Tổ dân phố số 44	239	926	0,009	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
45	Tổ dân phố số 45	149	523	0,017	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
46	Tổ dân phố số 46	193	733	0,014	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
47	Tổ dân phố số 47	240	805	0,019	Dân cư truyền thống	Sắp xếp

3. Bảng đối chiếu tiêu chí và định hướng xử lý

TT	Tên TDP	Số hộ hiện có	Tiêu chuẩn áp dụng	Đạt/chưa đạt	Phương án xử lý	Lý do
1	Tổ dân phố số 1	320	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Chưa đạt tiêu chuẩn về quy mô số hộ
2	Tổ dân phố số 2	281	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Chưa đạt tiêu chuẩn về quy mô số hộ
3	Tổ dân phố số 3	386	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Chưa đạt tiêu chuẩn về quy mô số hộ

TT	Tên TDP	Số hộ hiện có	Tiêu chuẩn áp dụng	Đạt/chưa đạt	Phương án xử lý	Lý do
4	Tổ dân phố số 4	352	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Chưa đạt tiêu chuẩn về quy mô số hộ
5	Tổ dân phố số 5	419	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Chưa đạt tiêu chuẩn về quy mô số hộ
6	Tổ dân phố số 6	255	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Chưa đạt tiêu chuẩn về quy mô số hộ
7	Tổ dân phố số 7	261	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Chưa đạt tiêu chuẩn về quy mô số hộ
8	Tổ dân phố số 8	371	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Chưa đạt tiêu chuẩn về quy mô số hộ
9	Tổ dân phố số 9	337	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Chưa đạt tiêu chuẩn về quy mô số hộ
10	Tổ dân phố số 10	221	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Chưa đạt tiêu chuẩn về quy mô số hộ
11	Tổ dân phố số 11	621	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Chưa đạt tiêu chuẩn về quy mô số hộ
12	Tổ dân phố số 12	343	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Chưa đạt tiêu chuẩn về quy mô số hộ
13	Tổ dân phố số 13	303	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Chưa đạt tiêu chuẩn về quy mô số hộ
14	Tổ dân phố số 14	304	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Chưa đạt tiêu chuẩn về quy mô số hộ
15	Tổ dân phố số 15	380	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Chưa đạt tiêu chuẩn về quy mô số hộ
16	Tổ dân phố số 16	543	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Chưa đạt tiêu chuẩn về quy mô số hộ
17	Tổ dân phố số 17	136	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Chưa đạt tiêu chuẩn về quy mô số hộ
18	Tổ dân phố số 18	295	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Chưa đạt tiêu chuẩn về quy mô số hộ
19	Tổ dân phố số 19	335	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Chưa đạt tiêu chuẩn về quy mô số hộ
20	Tổ dân phố số 20	348	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Chưa đạt tiêu chuẩn về quy mô số hộ
21	Tổ dân phố số 21	265	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Chưa đạt tiêu chuẩn về quy mô số hộ
22	Tổ dân phố số 22	324	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Chưa đạt tiêu chuẩn về quy mô số hộ

TT	Tên TDP	Số hộ hiện có	Tiêu chuẩn áp dụng	Đạt/chưa đạt	Phương án xử lý	Lý do
23	Tổ dân phố số 23	213	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Chưa đạt tiêu chuẩn về quy mô số hộ
24	Tổ dân phố số 24	90	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Chưa đạt tiêu chuẩn về quy mô số hộ
25	Tổ dân phố số 25	98	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Chưa đạt tiêu chuẩn về quy mô số hộ
26	Tổ dân phố số 26	406	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Chưa đạt tiêu chuẩn về quy mô số hộ
27	Tổ dân phố số 27	139	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Chưa đạt tiêu chuẩn về quy mô số hộ
28	Tổ dân phố số 28	165	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Chưa đạt tiêu chuẩn về quy mô số hộ
29	Tổ dân phố số 29	243	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Chưa đạt tiêu chuẩn về quy mô số hộ
30	Tổ dân phố số 30	303	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Chưa đạt tiêu chuẩn về quy mô số hộ
31	Tổ dân phố số 31	398	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Chưa đạt tiêu chuẩn về quy mô số hộ
32	Tổ dân phố số 32	607	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Chưa đạt tiêu chuẩn về quy mô số hộ
33	Tổ dân phố số 33	399	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Chưa đạt tiêu chuẩn về quy mô số hộ
34	Tổ dân phố số 34	461	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Chưa đạt tiêu chuẩn về quy mô số hộ
35	Tổ dân phố số 35	546	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Chưa đạt tiêu chuẩn về quy mô số hộ
36	Tổ dân phố số 36	287	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Chưa đạt tiêu chuẩn về quy mô số hộ
37	Tổ dân phố số 37	488	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Chưa đạt tiêu chuẩn về quy mô số hộ
38	Tổ dân phố số 38	440	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Chưa đạt tiêu chuẩn về quy mô số hộ
39	Tổ dân phố số 39	374	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Chưa đạt tiêu chuẩn về quy mô số hộ
40	Tổ dân phố số 40	318	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Chưa đạt tiêu chuẩn về quy mô số hộ
41	Tổ dân phố số 41	304	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Chưa đạt tiêu chuẩn về quy mô số hộ

TT	Tên TDP	Số hộ hiện có	Tiêu chuẩn áp dụng	Đạt/chưa đạt	Phương án xử lý	Lý do
42	Tổ dân phố số 42	250	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Chưa đạt tiêu chuẩn về quy mô số hộ
43	Tổ dân phố số 43	400	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Chưa đạt tiêu chuẩn về quy mô số hộ
44	Tổ dân phố số 44	239	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Chưa đạt tiêu chuẩn về quy mô số hộ
45	Tổ dân phố số 45	149	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Chưa đạt tiêu chuẩn về quy mô số hộ
46	Tổ dân phố số 46	193	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Chưa đạt tiêu chuẩn về quy mô số hộ
47	Tổ dân phố số 47	240	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Chưa đạt tiêu chuẩn về quy mô số hộ

4. Hiện trạng tổ chức hệ thống chính trị và người hoạt động không chuyên trách trên địa bàn

UBND phường đã tiến hành thống kê, đánh giá toàn bộ hệ thống chính trị và các lực lượng tham gia hoạt động tại địa bàn dân cư. Hiện nay, tương ứng với các tổ dân phố đang hoạt động là hệ thống các Chi bộ đảng, Ban Công tác Mặt trận, Chi hội Phụ nữ, Chi hội Cựu chiến binh, Chi đoàn Thanh niên, Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở cùng đội ngũ người hoạt động không chuyên trách.

Qua rà soát cho thấy, hệ thống tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở cơ bản duy trì hoạt động ổn định, thực hiện tốt vai trò tuyên truyền, vận động Nhân dân, triển khai các nhiệm vụ chính trị và các phong trào thi đua tại địa bàn dân cư. Đội ngũ người hoạt động không chuyên trách cơ sở đã phát huy vai trò là lực lượng trực tiếp nắm bắt tình hình địa bàn, phản ánh tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân và hỗ trợ chính quyền trong công tác quản lý nhà nước ở cơ sở.

Tuy nhiên, do số lượng tổ dân phố lớn nên tương ứng là số lượng đầu mối tổ chức và nhân sự tham gia hoạt động ở cơ sở cũng nhiều, dẫn đến sự phân tán về nguồn lực và đặt ra yêu cầu rà soát, sắp xếp lại nhằm bảo đảm phù hợp với quy mô tổ dân phố sau sắp xếp. Đây là một trong những nội dung quan trọng cần được xem xét đồng bộ trong quá trình xây dựng Đề án.

Chức danh/Nội dung	Hiện có	Sau sắp xếp	Tăng/giảm
Tổ trưởng TDP	47	18	Giảm 29
Bí thư chi bộ	45	18	Giảm 27
Trưởng ban công tác Mặt trận	47	18	Giảm 29

Chức danh/Nội dung	Hiện có	Sau sắp xếp	Tăng/giảm
Người hoạt động không chuyên trách khác theo quy định: Tổ phó tổ dân phố	47	36	Giảm 11
Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	32

VI. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP CỤ THỂ

1. Tổng hợp phương án chung

Nội dung	Trước sắp xếp	Sau sắp xếp	Tăng/giảm
Tổng số Tổ dân phố	47	18	Giảm 29
Số người hoạt động không chuyên trách ở Tổ dân phố	139	90	Giảm 49
Số chi bộ	45	18	Giảm 27
Số Ban công tác Mặt trận	45	18	Giảm 27

2. Phương án sáp nhập

Đối với từng phương án sắp xếp, UBND phường trên cơ sở kết quả rà soát, đánh giá toàn diện hiện trạng tổ dân phố, bao gồm quy mô hộ gia đình, dân số, diện tích tự nhiên, đặc điểm địa bàn, cơ sở vật chất và hệ thống chính trị ở cơ sở. Trên cơ sở đó, xác định rõ lý do sắp xếp, tên gọi, ranh giới và quy mô của tổ dân phố mới; đồng thời đánh giá hiện trạng tổ chức đảng, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, đội ngũ cán bộ cơ sở và đề xuất phương án kiện toàn sau sắp xếp. Đồng thời cũng sẽ phân tích tác động đối với người dân nhằm bảo đảm tính khả thi, ổn định và đồng thuận trong quá trình triển khai thực hiện.

* *Cụ thể các phương án:*

Nội dung	Tổ dân phố số 5	Tổ dân phố số 6	Sau sáp nhập: Tổ dân phố số 1
Số hộ	419	255	674
Dân số	1439	715	2154
Diện tích (km ²)	0,039	0,051	0,09
Số đảng viên	126	77	203
Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	1	0	1

Nội dung	Tổ dân phố số 5	Tổ dân phố số 6	Sau sáp nhập: Tổ dân phố số 1
Người hoạt động không chuyên trách	3	3	5

Nội dung	Tổ dân phố số 3	Tổ dân phố số 4	Tổ dân phố số 8 (một phần)	Sau sáp nhập: Tổ dân phố số 2
Số hộ	320	352	71	809
Dân số	1244	1031	284	2559
Diện tích (km ²)	0.038	0.019	0.008	0.065
Số đảng viên	59	73	18	150
Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	1	1	0	2
Người hoạt động không chuyên trách	3	3	0	5

Nội dung	Tổ dân phố số 1	Tổ dân phố số 7	Tổ dân phố số 8 (phần còn lại)	Sau sáp nhập: Tổ dân phố số 3
Số hộ	320	261	300	881
Dân số	982	826	1193	3001
Diện tích (km ²)	0.014	0.018	0.018	0.05
Số đảng viên	21	142	47	210
Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	1	1	0	2
Người hoạt động không chuyên trách	3	3	3	5

Nội dung	Tổ dân phố số 21	Tổ dân phố số 22	Tổ dân phố số 23	Tổ dân phố số 24	Sau sáp nhập: Tổ dân phố số 4
Số hộ	265	324	213	90	892
Dân số	954	945	726	306	2931
Diện tích (km ²)	0.025	0.017	0.07	0.06	0.055
Số đảng viên	47	39	11	18	115

Nội dung	Tổ dân phố số 21	Tổ dân phố số 22	Tổ dân phố số 23	Tổ dân phố số 24	Sau sáp nhập: Tổ dân phố số 4
Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	0	1	1	1	3
Người hoạt động không chuyên trách	3	3	3	3	5

Nội dung	Tổ dân phố số 17	Tổ dân phố số 19	Tổ dân phố số 20	Sau sáp nhập: Tổ dân phố số 5
Số hộ	136	335	348	819
Dân số	212	1036	1174	2422
Diện tích (km ²)	0.015	0.022	0.014	0.051
Số đảng viên	32	37	14	83
Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	1	1	0	2
Người hoạt động không chuyên trách	3	3	3	5

Nội dung	Tổ dân phố số 2	Tổ dân phố số 15	Tổ dân phố số 18	Sau sáp nhập: Tổ dân phố số 6
Số hộ	281	380	295	956
Dân số	904	691	944	2539
Diện tích (km ²)	0.022	0.018	0.021	0.061
Số đảng viên	44	31	37	68
Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	0	0	1	1
Người hoạt động không chuyên trách	3	3	3	5

Nội dung	Tổ dân phố số 14	Tổ dân phố số 16	Sau sáp nhập: Tổ dân phố số 7
Số hộ	304	543	847
Dân số	1144	1749	2893

Nội dung	Tổ dân phố số 14	Tổ dân phố số 16	Sau sáp nhập: Tổ dân phố số 7
Diện tích (km ²)	0.017	0.071	0.088
Số đảng viên	42	50	92
Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	1	1	2
Người hoạt động không chuyên trách	3	3	5

Nội dung	Tổ dân phố số 11	Tổ dân phố số 13	Sau sáp nhập: Tổ dân phố số 8
Số hộ	621	303	924
Dân số	1847	909	2756
Diện tích (km ²)	0.038	0.021	0.059
Số đảng viên	67	52	119
Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	1	1	2
Người hoạt động không chuyên trách	3	3	5

Nội dung	Tổ dân phố số 9	Tổ dân phố số 10	Tổ dân phố số 12	Sau sáp nhập: Tổ dân phố số 9
Số hộ	337	221	343	901
Dân số	1171	447	1011	2629
Diện tích (km ²)	0.027	0.03	0.024	0.054
Số đảng viên	52	29	31	112
Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	1	1	1	3
Người hoạt động không chuyên trách	3	3	3	5

Nội dung	Tổ dân phố số 25	Tổ dân phố số 32	Sau sáp nhập: Tổ dân phố số 10
Số hộ	98	607	705

Nội dung	Tổ dân phố số 25	Tổ dân phố số 32	Sau sáp nhập: Tổ dân phố số 10
Dân số	216	1457	1673
Diện tích (km ²)	0.013	0.032	0.045
Số đảng viên	68	194	262
Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	1	1	2
Người hoạt động không chuyên trách	3	3	5

Nội dung	Tổ dân phố số 26	Tổ dân phố số 27	Tổ dân phố số 28	Sau sáp nhập: Tổ dân phố số 11
Số hộ	406	139	165	710
Dân số	1058	453	500	2011
Diện tích (km ²)	0.071	0.008	0.098	0.177
Số đảng viên	77	12	22	111
Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	1	1	0	2
Người hoạt động không chuyên trách	3	3	2	5

Nội dung	Tổ dân phố số 29	Tổ dân phố số 30	Tổ dân phố số 47	Sau sáp nhập: Tổ dân phố số 12
Số hộ	243	303	240	786
Dân số	681	801	805	2287
Diện tích (km ²)	0.015	0.021	0.019	0.055
Số đảng viên	28	47	0	75
Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	1	1	0	2
Người hoạt động không chuyên trách	3	3	2	5

Nội dung	Tổ dân phố số 31	Tổ dân phố số 33	Sau sáp nhập: Tổ dân phố số 13
Số hộ	398	399	797
Dân số	1361	1557	2918
Diện tích (km ²)	0.016	0.017	0.033
Số đảng viên	155	36	191
Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	1	2	3
Người hoạt động không chuyên trách	3	3	5

Nội dung	Tổ dân phố số 36	Tổ dân phố số 37	Sau sáp nhập: Tổ dân phố số 14
Số hộ	287	488	775
Dân số	1029	1404	2433
Diện tích (km ²)	0.013	0.022	0.035
Số đảng viên	46	56	102
Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	0	1	1
Người hoạt động không chuyên trách	3	3	5

Nội dung	Tổ dân phố số 38	Tổ dân phố số 45	Tổ dân phố số 46	Sau sáp nhập: Tổ dân phố số 15
Số hộ	440	149	193	782
Dân số	1288	523	733	2544
Diện tích (km ²)	0.031	0.017	0.014	0.062
Số đảng viên	107	18	30	155
Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	1	0	0	1
Người hoạt động không chuyên trách	3	3	4	5

Nội dung	Tổ dân phố số 34	Tổ dân phố số 35	Sau sáp nhập: Tổ dân phố số 16
Số hộ	461	546	1007
Dân số	1603	1541	3144
Diện tích (km ²)	0.018	0.021	0.039
Số đảng viên	74	66	140
Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	1	0	1
Người hoạt động không chuyên trách	3	3	5

Nội dung	Tổ dân phố số 41	Tổ dân phố số 42	Tổ dân phố số 43	Sau sáp nhập: Tổ dân phố số 17
Số hộ	304	250	400	954
Dân số	922	803	947	2672
Diện tích (km ²)	0.001	0.002	0.025	0.028
Số đảng viên	71	0	29	100
Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	1	0	0	1
Người hoạt động không chuyên trách	3	2	3	5

Nội dung	Tổ dân phố số 39	Tổ dân phố số 40	Tổ dân phố số 44	Sau sáp nhập: Tổ dân phố số 18
Số hộ	374	318	239	931
Dân số	1073	950	926	2949
Diện tích (km ²)	0.001	0.001	0.009	0.011
Số đảng viên	90	70	39	199
Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	1	0	0	1
Người hoạt động không chuyên trách	3	3	3	5

3. Địa giới hành chính

3.1. Tổ dân phố số 1:

Phía Bắc giáp Hồ Trúc Bạch (phố Trần Vũ); Phía Nam giáp các cơ quan Trung ương; Phía Đông giáp phố Nguyễn Biểu và Hoàng Diệu; Phía Tây giáp đường Thanh Niên, Hùng Vương, cụ thể:

- Phố Quán Thánh: Số chẵn: từ số 162 - số 194 (có nhà tập thể cũ 188 Quán Thánh, tập thể 192 Quán Thánh); Số lẻ: từ số 99 - số 115
- Đường Thanh Niên: số 9 + số 11 (có nhà tập thể cũ 11 đường Thanh Niên)
- Phố Trần Vũ: Số chẵn: từ số 2 - số 94 (có khu tập thể ngõ 8 Trần Vũ). Số lẻ: số 1 (Nhà khách Trúc Bạch)
- Phố Nguyễn Biểu: số 2 đến số 20
- Phố Phan Đình Phùng: Số chẵn: từ số 62 - số 76 (gồm các nhà công vụ - cơ quan Trung ương); Số lẻ: từ số 51 - số 71 (gồm các nhà công vụ - trụ sở các cơ quan Trung ương).
- Đường Hoàng Diệu: Từ số 4 - số 6
- Phố Đặng Tất: Số chẵn: từ số 8A - số 12; Số lẻ: từ số 9 - số 11

3.2. Tổ dân phố số 2:

Phía Bắc giáp Hồ Trúc Bạch (phố Trần Vũ); Phía Nam giáp Hoàng Thành Thăng Long (theo phố Phan Đình Phùng); Phía Tây giáp phố Nguyễn Biểu; Phía Đông giáp TDP 6 mới, cụ thể:

- Phố Quán Thánh: Số chẵn: số 124 - số 160; Số lẻ: từ số 59 - số 97
- Phố Cửa Bắc: Số chẵn: từ số 84 - số 106 (có tập thể cũ 92 Cửa Bắc)
- Phố Đặng Dung - Số chẵn: từ số 10 - số 26; (có tập thể cũ 20 Đặng Dung); Số lẻ: số 11 - số 25; ngõ 27A, ngõ 27B
- Phố Nguyễn Biểu: Số lẻ: từ số 1, 1A - số 25
- Phố Trần Vũ: Số chẵn: từ số 96 - số 102
- Phố Phan Đình Phùng: Số chẵn: từ 34 - 56 (số 56 phố Phan Đình Phùng là Nhà thờ Cửa Bắc, có 11 hộ dân trong khuôn viên đất Nhà thờ)

3.3. Tổ dân phố số 3:

Phía Bắc giáp TDP 6 mới; Phía Nam giáp cơ quan Bộ Quốc phòng và phường Hoàn Kiếm (theo phố Phan Đình Phùng); Phía Tây giáp TDP 2 mới; Phía Đông giáp TDP 4 mới, cụ thể:

- Phố Quán Thánh: Số chẵn: từ số 2 - số 80; Số lẻ: từ số 1 - số 21

- Phố Phan Đình Phùng:

+ Số lẻ: từ số 11 - số 47 (có các ngõ 25, ngõ 35, ngõ 45);

+ Số chẵn: từ 2 - số 30 (gồm Trụ sở Đảng ủy – HĐND phường)

- Phố Hàng Bún: Số chẵn: từ số 50 - 54 (98 phố Yên Ninh); Số lẻ: số 59-65

- Khu tập thể Yên Ninh: số 97 (có 02 tập thể cũ 97A và 97B)

3.4. Tổ dân phố số 4:

Phía Bắc, phía Đông giáp đường Yên Phụ; Phía Nam giáp phố Hàng Đậu (phường Hoàn Kiếm); Phía Tây giáp TDP 5 mới

- Phố Hàng Than: Số chẵn: từ số 4 - số 72; Số lẻ: từ số 1 - số 81

- Phố Nguyễn Thiếp: Số chẵn: từ số 2 - số 30; Số lẻ: từ số 3 - số 17

- Nguyễn Trung Trực: Số chẵn: từ số 2 - số 30; Số lẻ: từ số 1 - số 23

- Phố Hồng Phúc: Số chẵn: từ số 2 - số 42; Số lẻ: từ số 1 - số 49

- Dốc Hòe Nhai: Số chẵn: từ số 6 - số 16; Số lẻ: từ số 1 - số 19

- Ngõ Hàng Đậu: Số chẵn: từ số 2 - số 14; Số lẻ: số 5

- Đường Yên Phụ: Số chẵn: từ số 44 - số 122; tam giác ngã giao Yên Phụ-Hàng Than

- Phố Hàng Đậu: Số chẵn: số 2 - số 62

3.5. Tổ dân phố số 5:

Phía Bắc giáp đường Yên Phụ; Phía Nam giáp TDP 3 mới; phía Đông giáp TDP 4 mới; phía Tây giáp TDP 6 mới, cụ thể:

- Phố Nguyễn Khắc Nhu: Số chẵn: từ số 18 - số 26; Số lẻ: từ số 27 - số 63

- Phố Phạm Hồng Thái: Số chẵn: từ số 2 - số 26; Số lẻ: từ số 5 - số 13

- Phố Hàng Than: Số 2.

- Phố Phó Đức Chính: Số chẵn: số 184 - số 216

- Phố Nguyễn Trường Tộ: Số chẵn: từ số 2 - số 14; Số lẻ: từ số 1 - số 61

- Phố Phan Huy Ích: Số chẵn: từ số 2 - số 28; Số lẻ: từ số 1 - số 35

- Ngõ Hàng Bún: Số chẵn: từ số 2 - số 10; Số lẻ: từ số 1 - số 9

- Phố Hòe Nhai: Số chẵn: từ số 2 - số 44; Số lẻ: từ số 3 - số 25

3.6. Tổ dân phố số 6:

Phía Bắc giáp TDP 7 mới, phía Nam giáp TDP 3 mới; phía Đông giáp TDP 5 mới; phía Tây giáp TDP 2 và 8 mới, cụ thể:

- Phố Quán Thánh:

- + Số chẵn: từ số 82 - số 120;
- + Số lẻ: từ số 23 - số 55 (có nhà tập thể cũ 31 Quán Thánh)
- Phố Yên Ninh: Số chẵn: từ số 42 - số 82; Số lẻ: từ số 41 - số 81
- Phố Hàng Bún: Số chẵn: từ số 2 - số 46; Số lẻ: từ số 1 - số 53
- Phố Nguyễn Trường Tộ; Số chẵn: từ số 20 – 72; Số lẻ: từ số 65 - số 113 (có tập thể 101 và 103 Nguyễn Trường Tộ)
- Phố Cửa Bắc: Số lẻ: từ số 51 - số 65;
- Ngõ Yên Thành: Toàn bộ.

3.7. Tổ dân phố số 7:

Phía Bắc giáp đường Yên Phụ; phía Nam, phía Đông giáp TDP 6 mới; phía Tây giáp TDP số 8 và TDP số 9 mới, cụ thể:

- Phố Cửa Bắc: Số chẵn: số 2 - số 66; Số lẻ: số 19 - số 51 (có toàn bộ ngõ 29 Cửa Bắc)
- Phố Phó Đức Chính: Số chẵn: Từ số số 170 đến số 180
- Phố Nguyễn Khắc Nhu: Số lẻ: Từ số 1 - số 25;
- Phố Phạm Hồng Thái: Số chẵn: từ số 28 - số 40; Số lẻ: từ số 17 - số 67
- Phố Yên Ninh: Số chẵn: từ số 4 - số 34 (có nhà chung cư số 18 Yên Ninh); Số lẻ: từ số 1 - số 33
- Toàn bộ Ngõ Yên Ninh;
- Đường Yên Phụ: có Chung cư Aqua số 44 phố Yên Phụ

3.8. Tổ dân phố số 8:

Phía Bắc giáp hồ Trúc Bạch và TDP 9 mới; phía Nam giáp TDP 2 mới; phía Đông giáp TDP 7 mới; phía Tây giáp hồ Trúc Bạch, cụ thể:

- Toàn bộ bán đảo Ngũ Xã gồm: Phố Lạc Chính, Phố Nguyễn Khắc Hiếu, Phố Nam Tràng, Phố Mạc Đình Chi, Phố Trần Tế Xương.
- Phố Ngũ Xã: Số chẵn: từ số 16B - số 52; Số lẻ: từ số 11 - số 45
- Phố Trần Vũ: Số chẵn: từ số 106 - số 182
- Phố Phạm Hồng Thái: Số chẵn: từ số 73 - số 79
- Phố Châu Long: Số chẵn: Tập thể số 50, 50B,
- Ngõ Châu Long (số chẵn: số 4; số lẻ: từ số 1-số 15);
- Ngõ Chùa Châu Long (sát 106 phố Trần Vũ) đến số 62; từ số 41 - số 67

- Phố Nguyễn Trường Tộ: Số chẵn: tập thể 76 Nguyễn Trường Tộ, số 78; Số lẻ: 121 - số 127

- Phố Cửa Bắc: Số chẵn: từ số 70 - số 80

- Phố Đặng Dung: Số chẵn: số 2 - số 6; Số lẻ: số 5; và 02 nhà tập thể cũ 1A + 1B Đặng Dung

3.9. Tổ dân phố số 9:

Phía Bắc giáp đường Yên Phụ; phía Nam, phía Tây giáp hồ Trúc Bạch và TDP 8 mới; phía Đông giáp TDP 7 mới, cụ thể:

- Phố Trúc Lạc: Ngõ Trúc Lạc (ngõ 62, ngõ 64)

- Phố Phó Đức Chính: Số chẵn: từ số 2 đến số 152; Số lẻ: từ số 15 đến số 67 (bao gồm ngõ 17 và ngõ 19 Phó Đức Chính)

- Phố Trúc Bạch: Số 2 phố Trúc Bạch (*Trụ sở UBND phường*).

+ Số lẻ từ số 1 - số 75; Từ số 79 - số 137

- Đường Thanh Niên: Số lẻ: số 7 (có Khách Sạn Pan Pacific Hà Nội)

- Đường Yên Phụ: Số chẵn: từ số 2 - số 42

- Phố Ngũ Xã: Số chẵn: từ số 2 - số 16A; Số lẻ: từ số 1 - số 11

- Phố Châu Long: Số chẵn: số 2 - số 48; Số lẻ: 1 - số 39

- Phố Phạm Hồng Thái: Số chẵn: từ số 42 - số 50

3.10. Tổ dân phố số 10:

Phía Bắc giáp Hoàng thành Thăng Long, Bộ Quốc phòng; phía Nam giáp TDP 11 và 12 mới; phía Đông giáp phố Tôn Thất Thiệp (phường Hoàn Kiếm); phía Tây giáp Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, cụ thể:

- Phố Tôn Thất Thiệp: Số chẵn: từ số 4 - số 14

- Phố Trần Phú: Khu tập thể 34A Trần Phú: 10A-10H (B11); 14A-14R (B10)

- Đường Điện Biên Phủ: Số chẵn: từ số 28B – đến số 36 (gồm các ngõ, ngách trong ngõ 28b Điện Biên Phủ)

- Đường Hoàng Diệu: Số chẵn: từ số 30 - số 52

- Phố Khúc Hạo: Toàn bộ

3.11. Tổ dân phố số 11:

Phía Bắc giáp TDP 10 mới; phía Nam giáp phố Nguyễn Thái Học (phường Văn Miếu – Quốc Tử Giám); phía Đông giáp phố Tôn Thất Thiệp (phường Hoàn Kiếm); phía Tây giáp đường Hùng Vương (TDP 12 mới), cụ thể:

- Phố Tôn Thất Thiệp: Số chẵn: từ số 16 - số 26
- Đường Điện Biên Phủ: Số chẵn: từ số 12 - số 26; Số lẻ: từ số 5 - số 23
- Đường Lê Duẩn: Số chẵn: từ số 2 - số 16; Số lẻ: từ số 1 - số 5
- Đường Hoàng Diệu: Từ số 58 đến số 64
- Phố Cao Bá Quát: Số chẵn: từ số 2 - số 38; Số lẻ: từ số 1 - số 31
- Phố Trần Phú:
 - + Số chẵn: từ số 38A - số 52; Số lẻ: từ số 13 - số 21; từ số 43 - số 59.
- Phố Nguyễn Thái Học: Số chẵn: từ số 16 - số 72 (gồm trụ sở Ủy ban MTTQ Việt Nam phường)
 - + Số lẻ 29B, 29C, 29D, 29E (khu vực đường tàu số 5 phố Lê Duẩn)
- Phố Chu Văn An (toàn bộ).

3.12 Tổ dân phố số 12:

Phía Bắc giáp Lãng Hồ Chủ tịch và TDP 13 mới; phía Nam giáp phố Nguyễn Thái Học (phường Ô Chợ Dừa); phía Đông giáp đường Hùng Vương, TDP 11 mới; phía Tây giáp TDP 13 mới, cụ thể:

- Phố Lê Trực: Số chẵn: từ số 2 - số 18 (gồm nhà chung cư 8b Lê Trực)
- Phố Nguyễn Thái Học: Số chẵn: từ số 88 - số 152A
- Phố Nguyễn Phạm Tuân (toàn bộ)
- Phố Sơn Tây: Số chẵn: từ số 4 - số 110; Số lẻ: số 1 - số 65
- Phố Trần Phú: Số lẻ: Số 61, từ số 69 - số 89; Số chẵn: Số 62 (Văn phòng Quốc hội).
- Phố Thanh Báo (toàn bộ).

3.13. Tổ dân phố số 13:

- Phía Bắc giáp phố Lê Hồng Phong (Bảo tàng HCM) và TDP 14 mới; phía Nam, phía Đông giáp TDP 12 mới; phía Tây giáp TDP 14 mới, cụ thể:

- Phố Lê Hồng Phong: Số lẻ: từ số 29 - số 115
- Phố Ông Ích Khiêm: (toàn bộ)
- Phố Ngọc Hà:
 - + Số chẵn: từ số 2 - số 42 (gồm các ngõ số 6, 14, 18, 24)
 - + Số lẻ: từ số 1A - số 15A (bao gồm chợ Ngọc Hà)
- Phố Sơn Tây: Ngõ 88
- Phố Đội Cấn: Ngõ 46 (toàn bộ)

3.14. Tổ dân phố số 14:

Phía Bắc giáp TDP 16 mới; phía Nam, phía Đông giáp TDP 13 mới; phía Tây giáp TDP 15 mới, cụ thể:

- Phố Đội Cán: Số chẵn: từ số 2 - số 94; Số lẻ: từ số 1 - số 103

3.15. Tổ dân phố 15:

Phía Bắc giáp phố Đội Cán và hồ Đàm Tròn; phía Nam giáp phố Kim Mã, phố Sơn Tây (phường Giảng Võ); Phía Đông giáp TDP 12 và 15 mới; phía Tây giáp phố Giang Văn Minh (phường Ngọc Hà), cụ thể:

- Phố Đội Cán: Số chẵn: từ số 96 - số 122; Số lẻ: từ số 105 - số 131

- Phố Giang Văn Minh: Số chẵn: số 8 - số 60

- Phố Kim Mã: Số chẵn: từ số 26 - số 104

- Phố Sơn Tây: Số chẵn: mặt phố từ số 110 – số 170 (24 phố Kim Mã); Số lẻ: từ số 77 – đến số 135.

- Phố Nguyễn Thái Học: Số chẵn từ số 152 - số 168.

3.16. Tổ dân phố 16:

Phía Bắc giáp TDP số 17 mới; phía Nam giáp TDP số 14 mới; phía Đông giáp phố Ngọc Hà (Bảo tàng Chủ tịch Hồ Chí Minh); phía Tây giáp TDP số 17 mới, hồ Đàm Tròn, cụ thể:

- Phố Ngọc Hà: Số chẵn: Từ số 46 - số 114 phố Ngọc Hà (bao gồm các Ngõ 46, 56, 60, 62, 68, 70, 72, 74, 88, 94, 108, 110 phố Ngọc Hà);

3.17. Tổ dân phố 17:

Phía Bắc và phía Đông giáp TDP 18 mới, phía Nam và phía Tây giáp phường Ngọc Hà, cụ thể:

- Phố Ngọc Hà:

+ Từ số 116 Ngọc Hà đến ngách 158/21;

+ Ngõ 158 Ngọc Hà: Từ số 21A đến 79; số 1 ngách 2 ngõ 158; Từ số 2 ngõ 158 đến số 106 ngõ 158.

- Ngõ 135 Đội Cán: Từ số 6 ngõ 135 đến số 54 ngõ 135; Từ số 114 ngõ 135 đến 120 ngõ 135.

- Đường Hoàng Hoa Thám:

+ Từ số nhà 15 đến số 75 ngõ 55.

+ Ngách 13/55 từ số nhà 2a đến số 2g.

- + Ngách 35/55 số lẻ từ số nhà 1 đến số 13 và số chẵn từ số 2 đến số 14.
- + Ngách 37/55 số lẻ từ số nhà 1 đến số 13 và số chẵn từ số 2 đến số 16.
- + Ngách 51/55 lẻ từ số nhà 1 đến số 29 và số chẵn từ số 2 đến số 56.

3.18. Tổ dân phố 18:

Phía Bắc giáp phường Tây Hồ; phía Nam giáp TDP số 17 mới; Phía Đông giáp ngõ 55 Hoàng Hoa Thám (phường Ngọc Hà), phía Tây giáp TDP số 10 mới, cụ thể:

- Phố Ngọc Hà:

- + Ngách 158/2 Ngọc Hà (gồm các hẻm 1, 5, 13, 49);
- + Mặt đường số nhà 158 đến 186 (Ngõ 160, 168, 170, 172, 180, 186);
- + Khu tập thể Bộ Tư lệnh cảnh vệ (số 1 Bắc Sơn cũ)

- Đường Hoàng Hoa Thám:

- + Từ số 5 đến số 23 Hoàng Hoa Thám;
- + Mặt đường Hoàng Hoa Thám từ số nhà 25 đến 53+55 (Ngõ 33, ngõ 49)
- + Ngõ 55 Hoàng Hoa Thám từ số 1 đến ngách 13/55.
- + Khu tập thể Bộ Công An số 1B Hoàng Hoa Thám.

VII. TỔ CHỨC LẤY Ý KIẾN NHÂN DÂN

1. Đối tượng, nội dung và hình thức lấy ý kiến

Việc lấy ý kiến Nhân dân được thực hiện theo quy định của pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương và thực hiện dân chủ ở cơ sở, bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan, đúng trình tự, thủ tục và tạo sự đồng thuận trong Nhân dân.

Đối tượng lấy ý kiến là cử tri đại diện hộ gia đình cư trú tại các tổ dân phố thuộc phạm vi chịu tác động trực tiếp của phương án sắp xếp, bao gồm các trường hợp sáp nhập, chia tách, đổi tên hoặc điều chỉnh địa giới, ranh giới tổ dân phố.

Nội dung lấy ý kiến tập trung vào các vấn đề chủ yếu gồm: sự cần thiết thực hiện sắp xếp tổ dân phố; phương án sắp xếp, tổ chức lại các tổ dân phố; tên gọi của tổ dân phố sau sắp xếp; phạm vi, ranh giới địa bàn; phương án sử dụng, quản lý nhà văn hóa, điểm sinh hoạt cộng đồng; phương án kiện toàn hệ thống chính trị ở cơ sở,

người hoạt động không chuyên trách và các nội dung khác có liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của Nhân dân trên địa bàn.

Căn cứ điều kiện thực tế của từng địa bàn, UBND phường quyết định hình thức lấy ý kiến phù hợp như: tổ chức hội nghị cử tri đại diện hộ gia đình; phát phiếu lấy ý kiến trực tiếp; trong điều kiện cho phép có thể lấy ý kiến thông qua nền tảng số, ứng dụng điện tử hoặc kết hợp nhiều hình thức nhằm bảo đảm tỷ lệ tham gia cao, phản ánh đầy đủ ý kiến của Nhân dân.

Quá trình tổ chức lấy ý kiến phải bảo đảm xác định đúng đối tượng tham gia, công khai đầy đủ thông tin về phương án sắp xếp, tổng hợp trung thực kết quả, lập biên bản theo quy định và lưu trữ hồ sơ đầy đủ phục vụ công tác thẩm định, phê duyệt. Trường hợp áp dụng hình thức lấy ý kiến trực tuyến, UBND phường phải có giải pháp xác thực cử tri đại diện hộ gia đình, bảo đảm an toàn thông tin, lưu trữ dữ liệu điện tử và có biện pháp hỗ trợ đối với người dân chưa có điều kiện tiếp cận hoặc sử dụng công nghệ số.

2. Hồ sơ chứng minh việc lấy ý kiến

- Kế hoạch lấy ý kiến Nhân dân;
- Tài liệu tóm tắt phương án sắp xếp;
- Danh sách cử tri đại diện hộ gia đình thuộc địa bàn chịu tác động;
- Phiếu lấy ý kiến hoặc biên bản hội nghị cử tri đại diện hộ gia đình;
- Biên bản kiểm phiếu/tổng hợp phiếu lấy ý kiến;
- Bảng tổng hợp kết quả lấy ý kiến Nhân dân;
- Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến Nhân dân, nhất là các ý kiến không đồng ý hoặc kiến nghị khác;
- Tài liệu công khai kết quả lấy ý kiến tại địa bàn dân cư.

3. Mẫu tổng hợp kết quả lấy ý kiến

STT	Địa bàn lấy ý kiến	Tổng số hộ	Số hộ tham gia	Đồng ý	Tỷ lệ	Không đồng ý	Tỷ lệ	Ý kiến khác
1	Tổ dân phố số 1	320%%	...
2	Tổ dân phố số 2	281%%	...
3	Tổ dân phố số 3	386
4	Tổ dân phố số 4	352
5	Tổ dân phố số 5	419
6	Tổ dân phố số 6	255
7	Tổ dân phố số 7	261
8	Tổ dân phố số 8	371
9	Tổ dân phố số 9	337
10	Tổ dân phố số 10	221
11	Tổ dân phố số 11	621
12	Tổ dân phố số 12	343
13	Tổ dân phố số 13	303

STT	Địa bàn lấy ý kiến	Tổng số hộ	Số hộ tham gia	Đồng ý	Tỷ lệ	Không đồng ý	Tỷ lệ	Ý kiến khác
14	Tổ dân phố số 14	304
15	Tổ dân phố số 15	380
16	Tổ dân phố số 16	543
17	Tổ dân phố số 17	136
18	Tổ dân phố số 18	295
19	Tổ dân phố số 19	335
20	Tổ dân phố số 20	348
21	Tổ dân phố số 21	265
22	Tổ dân phố số 22	324
23	Tổ dân phố số 23	213
24	Tổ dân phố số 24	90
25	Tổ dân phố số 25	98
26	Tổ dân phố số 26	406

STT	Địa bàn lấy ý kiến	Tổng số hộ	Số hộ tham gia	Đồng ý	Tỷ lệ	Không đồng ý	Tỷ lệ	Ý kiến khác
27	Tổ dân phố số 27	139
28	Tổ dân phố số 28	165
29	Tổ dân phố số 29	243
30	Tổ dân phố số 30	303
31	Tổ dân phố số 31	398
32	Tổ dân phố số 32	607
33	Tổ dân phố số 33	399
34	Tổ dân phố số 34	461
35	Tổ dân phố số 35	546
36	Tổ dân phố số 36	287
37	Tổ dân phố số 37	488
38	Tổ dân phố số 38	440
39	Tổ dân phố số 39	374

STT	Địa bàn lấy ý kiến	Tổng số hộ	Số hộ tham gia	Đồng ý	Tỷ lệ	Không đồng ý	Tỷ lệ	Ý kiến khác
40	Tổ dân phố số 40	318
41	Tổ dân phố số 41	304
42	Tổ dân phố số 42	250
43	Tổ dân phố số 43	400
44	Tổ dân phố số 44	239
45	Tổ dân phố số 45	149
46	Tổ dân phố số 46	193
47	Tổ dân phố số 47	240

VIII. PHƯƠNG ÁN KIẾN TOÀN TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ SAU SẮP XẾP

1. Kiến toàn tổ chức đảng, Mặt trận và các chi hội đoàn thể

Đảng ủy phường lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện việc rà soát, kiến toàn chi bộ tại các tổ dân phố sau sắp xếp; bảo đảm tổ chức đảng phù hợp với địa bàn dân cư mới, không làm gián đoạn công tác lãnh đạo ở cơ sở.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường chủ trì, phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội rà soát, kiến toàn Ban công tác Mặt trận, chi hội, chi đoàn sau sắp xếp theo quy định, phù hợp điều lệ của từng tổ chức.

2. Phương án người hoạt động không chuyên trách ở tổ dân phố

Phương án nhân sự phải xử lý rõ theo 03 nhóm:

Người tiếp tục bố trí sau sắp xếp;

Người thôi tham gia do giảm đầu mối;

Người có nguyện vọng tiếp tục tham gia nhưng không còn vị trí phù hợp.

Việc bố trí phải căn cứ tiêu chuẩn, điều kiện, uy tín, năng lực, kinh nghiệm, sự am hiểu địa bàn và yêu cầu kiêm nhiệm phù hợp; bảo đảm công khai, dân chủ, đúng quy trình lựa chọn, bầu cử hoặc công nhận theo quy định.

Số lượng, chức danh người hoạt động không chuyên trách tổ dân phố sau sắp xếp phải phù hợp Nghị định số 185/2026/NĐ-CP, Nghị quyết của HĐND Thành phố và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

STT	Họ và tên	Chức danh hiện nay	TDP hiện nay	Định hướng sau sắp xếp	Lý do	Đề xuất chế độ/chính sách
1	Nguyễn Bá Quang	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng ban Công tác mặt trận	Chi bộ số 1	Tiếp tục bố trí/Thôi tham gia/Chưa bố trí
2	Nguyễn Văn Độ	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng ban Công tác mặt trận	Chi bộ số 2
3	Đoàn Trọng Tiến	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng ban Công tác mặt trận	Chi bộ số 3
4	Phạm Trường Sơn	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng ban Công tác mặt trận	Chi bộ số 4
5	Nguyễn Cao Biền	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng ban Công tác mặt trận	Chi bộ số 5
6	Thái Đông An	Bí thư chi bộ kiêm Tổ trưởng TDP	Chi bộ số 6
7	Phạm Thị Tố	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng ban Công tác mặt trận	Chi bộ số 7
8	Chu Xuân Trang	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng ban Công tác mặt trận	Chi bộ số 8
9	Phạm Duy Hưng	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng ban Công tác mặt trận	Chi bộ số 9
10	Dương Quốc Thái	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng ban Công tác mặt trận	Chi bộ số 10
11	Phạm Sỹ Chung	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng ban Công tác mặt trận	Chi bộ số 11

STT	Họ và tên	Chức danh hiện nay	TDP hiện nay	Định hướng sau sắp xếp	Lý do	Đề xuất chế độ/chính sách
12	Nguyễn Minh Trang	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng ban Công tác mặt trận	Chi bộ số 12
13	Vũ Đình Thảo	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng ban Công tác mặt trận	Chi bộ số 13
14	Bùi Công Hiểu	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng ban Công tác mặt trận	Chi bộ số 14
15	Trần Thị Thu Hà	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng ban Công tác mặt trận	Chi bộ số 15
16	Đoàn Thị Lan Anh	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng ban Công tác mặt trận	Chi bộ số 16
17	Đỗ Hải Yến	Bí thư chi bộ	Chi bộ số 17
18	Trần Đức Báo	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng ban Công tác mặt trận	Chi bộ số 18
19	Nguyễn Văn Minh	Bí thư chi bộ kiêm Tổ trưởng TDP	Chi bộ số 19
20	Bùi Thị Thúy Nga	Bí thư chi bộ kiêm Tổ trưởng TDP	Chi bộ số 20
21	Lưu Duy Đức	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng ban Công tác mặt trận	Chi bộ số 21
22	Nguyễn Kim Hùng	Bí thư chi bộ	Chi bộ số 22
23	Nguyễn Việt Dũng	Bí thư chi bộ kiêm Tổ trưởng TDP	Chi bộ số 23
24	Phạm Bá Hùng	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng ban Công tác mặt trận	Chi bộ số 24
25	Phạm Chu Thành	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng ban Công tác mặt trận	Chi bộ số 25
26	Trần Như Sứ	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng ban Công tác mặt trận	Chi bộ số 26

STT	Họ và tên	Chức danh hiện nay	TDP hiện nay	Định hướng sau sắp xếp	Lý do	Đề xuất chế độ/chính sách
27	Trần Thị Minh Hiền	Bí thư chi bộ kiêm Tổ trưởng TDP	Chi bộ số 27
28	Lưu Trọng Dương	Bí thư chi bộ kiêm Tổ trưởng TDP kiêm Trưởng ban Công tác mặt trận	Chi bộ số 28
29	Trần Thị Phương	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng ban Công tác mặt trận	Chi bộ số 29
30	Hoàng Văn Đước	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng ban Công tác mặt trận	Chi bộ số 30
31	Nguyễn Khắc Kiên	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng ban Công tác mặt trận	Chi bộ số 31
32	Ngô Văn Thành	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng ban Công tác mặt trận	Chi bộ số 32
33	Ngô Minh An	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng ban Công tác mặt trận	Chi bộ số 33
34	Ngô Thị Thành	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng ban Công tác mặt trận	Chi bộ số 34
35	Tô Văn Quảng	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng ban Công tác mặt trận	Chi bộ số 35
36	Ngô Thị Đông	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng ban Công tác mặt trận	Chi bộ số 36
37	Kiều Chí Dũng	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng ban Công tác mặt trận	Chi bộ số 37
38	Phạm Mạnh Khải	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng ban Công tác mặt trận	Chi bộ số 38
39	Nguyễn Thị Thanh Nga	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng ban Công tác mặt trận	Chi bộ số 39

STT	Họ và tên	Chức danh hiện nay	TDP hiện nay	Định hướng sau sắp xếp	Lý do	Đề xuất chế độ/chính sách
40	Hoàng Thị Việt Phương	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng ban Công tác mặt trận	Chi bộ số 40
41	Nguyễn Xuân Tùng	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng ban Công tác mặt trận	Chi bộ số 41,42
42	Nguyễn Văn Lợi	Bí thư chi bộ kiêm Tổ trưởng TDP	Chi bộ số 43
43	Cù Thị Kim Thuận	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng ban Công tác mặt trận	Chi bộ số 44
44	Nguyễn Đức Khanh	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng ban Công tác mặt trận	Chi bộ số 45
45	Nguyễn Văn Đạt	Bí thư chi bộ kiêm Tổ trưởng TDP (tổ 47)	Chi bộ số 46
46	Nguyễn Phú Thịnh	Tổ trưởng	TDP số 1
47	Nguyễn Công Hiến	Tổ trưởng	TDP số 2
48	Nguyễn Thị Thịnh	Tổ trưởng	TDP số 3
49	Trần Quốc Đoan	Tổ trưởng	TDP số 4
50	Hoàng Sỹ Liêm	Tổ trưởng	TDP số 5
51	Nguyễn Mạnh Dũng	Tổ trưởng	TDP số 7
52	Phạm Văn Thủy	Tổ trưởng	TDP số 8
53	Nguyễn Thị Kim	Tổ trưởng	TDP số 9
54	Đặng Thúy Ngọc Anh	Tổ trưởng	TDP số 10
55	Nguyễn Văn Chính	Tổ trưởng	TDP số 11
56	Nguyễn Thị Hào	Tổ trưởng	TDP số 12
57	Nguyễn Thị Vân	Tổ trưởng	TDP số 13
58	Trương Hữu Thanh	Tổ trưởng	TDP số 14
59	Lê Thị Thu	Tổ trưởng	TDP số 15
60	Lưu Thị Bình	Tổ trưởng	TDP số 16

STT	Họ và tên	Chức danh hiện nay	TDP hiện nay	Định hướng sau sắp xếp	Lý do	Đề xuất chế độ/chính sách
61	Công Thị Mơ	Tổ trưởng kiêm Trưởng Ban công tác Mặt trận	TDP số 17
62	Đỗ Kim Cúc	Tổ trưởng	TDP số 18
63	Vũ Thị Bạch Yến	Tổ trưởng	TDP số 21
64	Nguyễn Thị Lan Hương	Tổ trưởng kiêm Trưởng ban công tác mặt trận	TDP số 22
65	Dương Kim Phượng	Tổ trưởng	TDP số 24
66	Trần Vinh Hưng	Tổ trưởng	TDP số 25
67	Lê Thị Thìn	Tổ trưởng	TDP số 26
68	Lưu Trọng Dương	Tổ trưởng	TDP số 28
69	Nguyễn Thị Thu	Tổ trưởng	TDP số 29
70	Phan Hữu Tịnh	Tổ trưởng	TDP số 30
71	Phạm Thế Hoan	Tổ trưởng	TDP số 31
72	Nguyễn Đăng Bình	Tổ trưởng	TDP số 32
73	Nguyễn Mạnh Hải	Tổ trưởng	TDP số 33
74	Nguyễn Thanh Đức	Tổ trưởng	TDP số 34
75	Nguyễn Chí Hải	Tổ trưởng	TDP số 35
76	Nghiêm Thị Xuân Mai	Tổ trưởng	TDP số 36
77	Nguyễn Văn Tịnh	Tổ trưởng	TDP số 37
78	Ngô Mạnh Sơn	Tổ trưởng	TDP số 38
79	Nguyễn Thị Lan	Tổ trưởng	TDP số 39
80	Nguyễn Thị Thành Đông	Tổ trưởng	TDP số 40
81	Lê Thị Nga	Tổ trưởng	TDP số 41
82	Trần Thị Lụa	Tổ trưởng	TDP số 42
83	Ứng Thị Minh Nguyệt	Tổ trưởng	TDP số 44
84	Trần Thu Hà	Tổ trưởng	TDP số 45
85	Trương Đức Kiên	Tổ trưởng	TDP số 46

STT	Họ và tên	Chức danh hiện nay	TDP hiện nay	Định hướng sau sắp xếp	Lý do	Đề xuất chế độ/chính sách
86	Vũ Đình Hảo	Trưởng Ban công tác mặt trận	TDP số 6			
87	Đàm Thế Bình	Trưởng Ban công tác mặt trận	TDP số 19			
88	Bùi Thị Khánh Toàn	Trưởng Ban công tác mặt trận	TDP số 20			
89	Phạm Trần Bình	Trưởng Ban công tác mặt trận	TDP số 23			
90	Nguyễn Chuyên Cần	Trưởng Ban công tác mặt trận	TDP số 27			
91	Nguyễn Đình Ý	Trưởng Ban công tác mặt trận	TDP số 43			
92	Phạm Thị Hải	Trưởng Ban công tác mặt trận	TDP số 46, 47			

IX. TÁC ĐỘNG CỦA PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP

1. Tác động đối với tổ chức bộ máy và hệ thống chính trị ở cơ sở

Việc sắp xếp từ 47 tổ dân phố hiện có thành 18 tổ dân phố mới, giảm 29 tổ dân phố (tương đương giảm trên 61% số lượng đầu mối), góp phần thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở.

Sau sắp xếp, quy mô từng tổ dân phố được mở rộng theo hướng phù hợp hơn với điều kiện quản lý đô thị, tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiện toàn chi bộ, Ban Công tác Mặt trận và các tổ chức đoàn thể ở khu dân cư; khắc phục tình trạng nhiều đầu mối quản lý nhưng quy mô dân cư nhỏ, phân tán. Đồng thời, tăng cường năng lực lãnh đạo của tổ chức đảng, nâng cao hiệu quả phối hợp giữa chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong triển khai nhiệm vụ tại địa bàn dân cư. Đây là tiền đề quan trọng để xây dựng mô hình quản trị cộng đồng dân cư hiện đại, phù hợp với yêu cầu thực hiện chính quyền địa phương hai cấp và chuyển đổi số trong giai đoạn mới.

2. Tác động đối với đội ngũ người hoạt động không chuyên trách

Sau sắp xếp, số lượng người hoạt động không chuyên trách tại tổ dân phố giảm từ 92 người xuống còn 54 người, giảm 38 người; số lượng Tổ phó tổ dân phố giảm từ 47 người xuống còn 36 người, giảm 11 người. Việc sắp xếp góp phần tinh gọn đội ngũ, giảm số lượng người hưởng phụ cấp từ ngân sách nhà nước, đồng thời tạo điều

kiện lựa chọn, bố trí những cá nhân có năng lực, uy tín và kinh nghiệm tiếp tục tham gia công tác tại địa bàn dân cư. Qua đó từng bước nâng cao chất lượng hoạt động của đội ngũ cán bộ cơ sở, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Bên cạnh những tác động tích cực, việc sắp xếp cũng ảnh hưởng trực tiếp đến một bộ phận người hoạt động không chuyên trách không tiếp tục đảm nhiệm chức danh sau khi tổ dân phố được tổ chức lại. UBND phường sẽ xây dựng phương án sắp xếp, bố trí phù hợp, thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách theo quy định; đồng thời tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, làm tốt công tác tư tưởng nhằm tạo sự đồng thuận, thống nhất trong quá trình triển khai thực hiện.

3. Tác động đối với ngân sách và sử dụng nguồn lực công

Việc giảm số lượng tổ dân phố và người hoạt động không chuyên trách sẽ góp phần giảm chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước, đặc biệt là các khoản phụ cấp, hỗ trợ hoạt động và kinh phí tổ chức bộ máy ở khu dân cư.

Trong giai đoạn đầu triển khai sẽ phát sinh một số khoản chi phục vụ công tác sắp xếp như: tổ chức lấy ý kiến Nhân dân, tuyên truyền, in ấn tài liệu, chỉnh lý hồ sơ, cập nhật cơ sở dữ liệu, thay đổi biển tên tổ dân phố, kiện toàn cơ sở vật chất và thực hiện chế độ, chính sách đối với các trường hợp thôi tham gia công tác. Tuy nhiên, đây là các khoản chi có tính chất một lần, trong khi hiệu quả tiết kiệm ngân sách và sử dụng nguồn lực sẽ được phát huy ổn định, lâu dài sau khi hoàn thành việc sắp xếp. Ngoài ra, việc giảm đầu mối quản lý còn tạo điều kiện tập trung nguồn lực đầu tư cho các nhà văn hóa, điểm sinh hoạt cộng đồng theo hướng đồng bộ, hiệu quả và phục vụ được nhiều người dân hơn.

4. Tác động đối với Nhân dân và cộng đồng dân cư

Việc sắp xếp tổ dân phố không làm thay đổi địa giới hành chính của phường, không làm ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của công dân; không làm phát sinh thủ tục hành chính đối với người dân nếu pháp luật không có quy định khác.

Các thông tin về hộ tịch, cư trú, quyền sử dụng đất, tài sản hợp pháp và các giấy tờ cá nhân của người dân vẫn được bảo đảm giá trị pháp lý theo quy định. Đồng thời, việc tổ chức lại các tổ dân phố theo quy mô phù hợp hơn sẽ tạo điều kiện thuận lợi để nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân, tăng cường các hoạt động văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, xây dựng đời sống văn hóa và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tại cộng đồng dân cư.

Việc hình thành các tổ dân phố có quy mô lớn hơn cũng góp phần tạo điều kiện thuận lợi trong huy động nguồn lực xã hội hóa, tổ chức các phong trào thi đua yêu nước và phát huy vai trò tự quản của cộng đồng.

5. Tác động đối với công tác quản lý nhà nước

Sau sắp xếp, công tác quản lý địa bàn dân cư được thực hiện tập trung, thống nhất và hiệu quả hơn. Việc giảm số lượng đầu mối giúp UBND phường thuận lợi trong chỉ đạo, điều hành, truyền đạt thông tin, kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện nhiệm vụ tại cơ sở. Đồng thời, phương án sắp xếp tạo điều kiện thuận lợi cho việc cập nhật, quản lý cơ sở dữ liệu dân cư; triển khai dịch vụ công trực tuyến; xây dựng tổ dân phố số; bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; quản lý trật tự đô thị, vệ sinh môi trường và phòng, chống cháy nổ trên địa bàn. Về lâu dài, đây là cơ sở quan trọng để nâng cao năng lực quản trị địa phương, thúc đẩy cải cách hành chính, chuyển đổi số và xây dựng chính quyền cơ sở hoạt động hiệu lực, hiệu quả, phục vụ Nhân dân ngày càng tốt hơn.

X. THẨM QUYỀN, HỒ SƠ VÀ TRÌNH TỰ TRÌNH QUYẾT ĐỊNH

UBND phường xây dựng Đề án sắp xếp tổ dân phố trên địa bàn; tổ chức lấy ý kiến Nhân dân tại các tổ dân phố chịu tác động trực tiếp; báo cáo Đảng ủy phường; phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường hoàn thiện hồ sơ; trình HĐND phường xem xét, quyết định việc tổ chức lại, đặt tên, đổi tên tổ dân phố theo thẩm quyền quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Nghị định số 185/2026/NĐ-CP, Nghị quyết số 21/2026/NQ-HĐND ngày 02/6/2026 của HĐND Thành phố và các quy định pháp luật có liên quan. Nghị quyết của HĐND phường cần thể hiện rõ phạm vi quyết định đối với tổ dân phố trên địa bàn. Danh sách cụ thể tổ dân phố sau sắp xếp nên trình bày tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết để bảo đảm rõ ràng, thuận tiện cho công bố, lưu trữ và tổ chức thực hiện.

Hồ sơ trình gồm:

1. Tờ trình của UBND phường;
2. Đề án sắp xếp tổ dân phố;
3. Dự thảo Nghị quyết của HĐND phường;
4. Báo cáo tổng hợp hiện trạng tổ dân phố;
5. Danh sách tổ dân phố trước và sau sắp xếp;
6. Bản đồ hoặc sơ đồ ranh giới tổ dân phố trước và sau sắp xếp;
7. Biên bản, phiếu lấy ý kiến, biên bản kiểm phiếu và bảng tổng hợp kết quả lấy ý kiến Nhân dân;
8. Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến Nhân dân;
9. Văn bản của Đảng ủy phường cho ý kiến về phương án sắp xếp;
10. Văn bản của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường;

11. Phương án kiện toàn tổ chức, nhân sự, người hoạt động không chuyên trách ở tổ dân phố;
12. Dự toán kinh phí thực hiện;
13. Các tài liệu khác có liên quan.

XI. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

Giai đoạn	Thời gian dự kiến	Nội dung chủ yếu	Cơ quan chủ trì/phối hợp
Rà soát, xây dựng phương án	Trước 05/6/2026	Rà soát số liệu, ranh giới, dân cư, nhân sự, cơ sở vật chất; xây dựng dự thảo Đề án	UBND phường; Phòng Văn hóa – Xã hội
Lấy ý kiến Nhân dân	Trước 15/6/2026	Công khai phương án; tổ chức hội nghị/phát phiếu; tổng hợp, tiếp thu, giải trình	UBND phường; MTTQ; các TDP
Trình HĐND phường	Trước 25/6/2026	Hoàn thiện hồ sơ; trình kỳ họp HĐND phường xem xét, quyết định	UBND phường; Văn phòng HĐND và UBND
Tổ chức thực hiện	Trước 30/6/2026	Công bố nghị quyết; kiện toàn tổ chức, nhân sự; bàn giao hồ sơ, tài sản; cập nhật dữ liệu	UBND phường và các cơ quan liên quan

XII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban nhân dân phường

Chịu trách nhiệm toàn diện trong việc tổ chức triển khai thực hiện Đề án; chỉ đạo rà soát hiện trạng dân cư, số hộ gia đình, địa bàn, thiết chế văn hóa, đội ngũ người hoạt động không chuyên trách và các điều kiện liên quan phục vụ việc sắp xếp tổ dân phố. Tổ chức lấy ý kiến Nhân dân theo quy định; tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến; hoàn thiện hồ sơ trình HĐND phường xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

Sau khi Đề án được thông qua, UBND phường tổ chức công bố, triển khai thực hiện phương án sắp xếp; chỉ đạo kiện toàn tổ chức, nhân sự, bàn giao hồ sơ, tài sản, cơ sở vật chất; giải quyết chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách; theo dõi, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện và kịp thời xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh.

2. Văn phòng HĐND và UBND phường

Tham mưu UBND phường xây dựng kế hoạch triển khai, chuẩn bị hồ sơ, tài liệu trình HĐND phường; rà soát thể thức, kỹ thuật trình bày các văn bản, tờ trình,

dự thảo nghị quyết và phụ lục kèm theo. Phối hợp chuẩn bị các điều kiện phục vụ kỳ họp HĐND phường; thực hiện công tác công bố, lưu trữ hồ sơ, theo dõi việc thực hiện Nghị quyết sau khi được ban hành.

3. Phòng Văn hóa - Xã hội phường

Là cơ quan đầu mối tham mưu UBND phường triển khai Đề án. Chủ trì tổng hợp hồ sơ, xây dựng phương án sắp xếp tổ dân phố; tham mưu kế hoạch, tờ trình, dự thảo nghị quyết và các văn bản liên quan theo hướng dẫn của thành phố.

Chủ trì rà soát hiện trạng tổ dân phố, đội ngũ người hoạt động không chuyên trách, xây dựng các văn bản hướng dẫn thực hiện thiết chế văn hóa, quản lý, sử dụng nhà sinh hoạt cộng đồng; tham mưu phương án đặt tên tổ dân phố, phương án sắp xếp, bố trí và kiện toàn nhân sự sau sắp xếp; phối hợp hướng dẫn việc tổ chức bàn giao, tiếp nhận và ổn định hoạt động của các tổ dân phố mới.

4. Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường

Phối hợp rà soát hiện trạng địa bàn, ranh giới tổ dân phố; lập sơ đồ, bản đồ phục vụ việc xác định phạm vi quản lý của các tổ dân phố sau sắp xếp.

Tham mưu đánh giá sự phù hợp về hạ tầng kỹ thuật, giao thông, cảnh quan đô thị; đề xuất phương án quản lý, sử dụng cơ sở vật chất, nhà sinh hoạt cộng đồng, tài sản công và các công trình hạ tầng có liên quan bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm và phù hợp với thực tiễn địa phương.

5. Công an phường

Phối hợp rà soát số hộ gia đình, nhân khẩu, tình hình biến động dân cư; tham gia xác định ranh giới quản lý và đánh giá tác động của phương án sắp xếp đối với công tác bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ trên địa bàn. Hướng dẫn, phối hợp kiện toàn lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; bảo đảm ổn định tình hình an ninh trật tự trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Đề án.

6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường

Phối hợp với UBND phường và các tổ chức thành viên tuyên truyền, vận động Nhân dân tạo sự đồng thuận trong quá trình triển khai Đề án; tham gia tổ chức lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình theo quy định.

Thực hiện giám sát việc tổ chức lấy ý kiến Nhân dân, việc thực hiện dân chủ ở cơ sở và quá trình triển khai phương án sắp xếp; tổng hợp ý kiến, kiến nghị của Nhân dân để phản ánh, đề xuất với UBND phường xem xét, giải quyết.

7. Đề nghị các tổ chức chính trị - xã hội phường

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân thực hiện chủ trương sắp xếp tổ dân phố; tham gia đóng góp ý kiến đối với Đề án.

Chủ động rà soát, sắp xếp, kiện toàn các chi hội, chi đoàn, tổ chức thành viên tại khu dân cư phù hợp với mô hình tổ dân phố mới; bảo đảm hoạt động liên tục, hiệu quả và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ sau sắp xếp.

8. Đề nghị các Chi bộ, Ban Công tác Mặt trận, Tổ trưởng tổ dân phố và các chi hội đoàn thể ở địa bàn dân cư

Phối hợp cung cấp thông tin, số liệu, hồ sơ liên quan; tham gia tuyên truyền, vận động Nhân dân; hỗ trợ tổ chức hội nghị cử tri hoặc lấy ý kiến bằng các hình thức phù hợp theo quy định.

Thực hiện việc bàn giao hồ sơ, tài liệu, tài sản, cơ sở vật chất, quỹ hoạt động (nếu có) và các nội dung liên quan khi thực hiện sắp xếp tổ dân phố; phối hợp kiện toàn tổ chức và ổn định hoạt động của tổ dân phố mới ngay sau khi phương án được cấp có thẩm quyền quyết định.

9. Chế độ theo dõi, kiểm tra và báo cáo

Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ có trách nhiệm chủ động triển khai thực hiện các nội dung của Đề án; định kỳ hoặc đột xuất báo cáo UBND phường kết quả thực hiện, những khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp xử lý.

UBND phường tổ chức kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Đề án; kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh, bảo đảm quá trình sắp xếp tổ dân phố được thực hiện đúng quy định, công khai, minh bạch, ổn định tình hình địa bàn và tạo sự đồng thuận cao trong Nhân dân.

XIII. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Để bảo đảm việc sắp xếp tổ dân phố trên địa bàn phường Ba Đình được triển khai đồng bộ, hiệu quả, đúng quy định và tạo sự đồng thuận trong Nhân dân, UBND phường Ba Đình kính đề nghị:

- Kính đề nghị UBND thành phố Hà Nội, Sở Nội vụ và các cơ quan chuyên môn có liên quan quan tâm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc; kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện Đề án; xem xét giải quyết các chế độ, chính sách liên quan theo quy định.

- Kính đề nghị Đảng ủy phường quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện đối với công tác sắp xếp tổ dân phố; kịp thời định hướng, cho ý kiến chỉ đạo và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện; lãnh đạo việc kiện toàn tổ chức đảng và hệ thống chính trị ở cơ sở sau sắp xếp.

- Đề nghị HĐND phường xem xét, quyết định việc thành lập mới, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên tổ dân phố theo đúng thẩm quyền và quy định của pháp luật; đồng thời tăng cường giám sát quá trình tổ chức thực hiện Nghị quyết sau khi được thông qua.

- Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường và các tổ chức chính trị - xã hội tăng cường công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tạo sự đồng thuận, thống nhất cao trong quá trình thực hiện sắp xếp tổ dân phố; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân và giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

- Đề nghị các chi bộ, Ban Công tác Mặt trận, tổ dân phố và Nhân dân trên địa bàn phường phát huy tinh thần trách nhiệm, tích cực phối hợp với chính quyền địa phương trong quá trình triển khai thực hiện Đề án; góp phần bảo đảm việc sắp xếp tổ dân phố đạt mục tiêu tinh gọn tổ chức, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở.

Trên đây là Đề án sắp xếp tổ dân phố trên địa bàn phường Ba Đình, thành phố Hà Nội. UBND phường Ba Đình kính trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định./.

Nơi nhận:

- UBND Thành phố;
- Sở Nội vụ Hà Nội;
- TT Đảng ủy – TT HĐND phường;
- Ban Thường vụ, UV BCH Đảng bộ;
- Các Ban Đảng và Văn phòng Đảng ủy;
- Các Ban HĐND, Đại biểu HĐND phường;
- Chủ tịch, Các PCT UBND phường;
- Ủy ban MTTQ và các Đoàn thể phường;
- Các phòng, ban, cơ quan chuyên môn;
- Bí thư, TB CTMT, Tô trưởng dân phố;
- Lưu: VT, VHXH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Thị Diễm

PHỤ LỤC 1.
DANH SÁCH HIỆN TRẠNG TỔ DÂN PHỐ

STT	Tên TDP	Tổng số hộ	Dân số	Diện tích (km ²)	Chi bộ	Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt	Người HDKCT + Tổ phó TDP	Đánh giá
1	Tổ dân phố số 1	320	982	0,014	Có	Có	3	Sắp xếp
2	Tổ dân phố số 2	281	904	0,022	Có	Không	3	Sắp xếp
3	Tổ dân phố số 3	386	1244	0,038	Có	Có	3	Sắp xếp
4	Tổ dân phố số 4	352	1031	0,019	Có	Có	3	Sắp xếp
5	Tổ dân phố số 5	419	1439	0,039	Có	Có	3	Sắp xếp
6	Tổ dân phố số 6	255	715	0,051	Có	Không	3	Sắp xếp
7	Tổ dân phố số 7	261	826	0,018	Có	Có	3	Sắp xếp
8	Tổ dân phố số 8	371	1477	0,026	Có	Không	3	Sắp xếp
9	Tổ dân phố số 9	337	1171	0,027	Có	Có	3	Sắp xếp
10	Tổ dân phố số 10	221	447	0,03	Có	Có	3	Sắp xếp
11	Tổ dân phố số 11	621	1847	0,038	Có	Có	3	Sắp xếp
12	Tổ dân phố số 12	343	1011	0,024	Có	Có	3	Sắp xếp
13	Tổ dân phố số 13	303	909	0,021	Có	Có	3	Sắp xếp
14	Tổ dân phố số 14	304	1144	0,017	Có	Có	3	Sắp xếp
15	Tổ dân phố số 15	380	691	0,018	Có	Không	3	Sắp xếp
16	Tổ dân phố số 16	543	1749	0,071	Có	Có	3	Sắp xếp
17	Tổ dân phố số 17	136	212	0,015	Có	Có	3	Sắp xếp
18	Tổ dân phố số 18	295	944	0,021	Có	Không	3	Sắp xếp
19	Tổ dân phố số 19	335	1036	0,022	Có	Có	3	Sắp xếp
20	Tổ dân phố số 20	348	1174	0,014	Có	Không	3	Sắp xếp
21	Tổ dân phố số 21	265	954	0,025	Có	Không	3	Sắp xếp
22	Tổ dân phố số 22	324	945	0,017	Có	Có	3	Sắp xếp
23	Tổ dân phố số 23	213	726	0,007	Có	Có	3	Sắp xếp

STT	Tên TDP	Tổng số hộ	Dân số	Diện tích (km ²)	Chi bộ	Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt	Người HDKCT + Tổ phó TDP	Đánh giá
24	Tổ dân phố số 24	90	306	0,006	Có	Có	3	Sắp xếp
25	Tổ dân phố số 25	98	216	0,013	Có	Có	3	Sắp xếp
26	Tổ dân phố số 26	406	1058	0,071	Có	Có	3	Sắp xếp
27	Tổ dân phố số 27	139	453	0,008	Có	Có	3	Sắp xếp
28	Tổ dân phố số 28	165	500	0,098	Có	Không	2	Sắp xếp
29	Tổ dân phố số 29	243	681	0,015	Có	Có	3	Sắp xếp
30	Tổ dân phố số 30	303	801	0,021	Có	Có	3	Sắp xếp
31	Tổ dân phố số 31	398	1361	0,016	Có	Có	3	Sắp xếp
32	Tổ dân phố số 32	607	1457	0,032	Có	Có	3	Sắp xếp
33	Tổ dân phố số 33	399	1557	0,017	Có	Có	3	Sắp xếp
34	Tổ dân phố số 34	461	1603	0,018	Có	Có	3	Sắp xếp
35	Tổ dân phố số 35	546	1541	0,021	Có	Không	3	Sắp xếp
36	Tổ dân phố số 36	287	1029	0,013	Có	Không	3	Sắp xếp
37	Tổ dân phố số 37	488	1404	0,022	Có	Có	3	Sắp xếp
38	Tổ dân phố số 38	440	1288	0,031	Có	Có	3	Sắp xếp
39	Tổ dân phố số 39	374	1073	0,001	Có	Có	3	Sắp xếp
40	Tổ dân phố số 40	318	950	0,001	Có	Không	3	Sắp xếp
41	Tổ dân phố số 41	304	922	0,001	Có	Có	3	Sắp xếp
42	Tổ dân phố số 42	250	803	0,002	Không	Không	3	Sắp xếp
43	Tổ dân phố số 43	400	947	0,025	Có	Không	3	Sắp xếp
44	Tổ dân phố số 44	239	926	0,009	Có	Không	3	Sắp xếp
45	Tổ dân phố số 45	149	523	0,017	Có	Có	3	Sắp xếp
46	Tổ dân phố số 46	193	733	0,014	Có	Không	4	Sắp xếp
47	Tổ dân phố số 47	240	805	0,019	Không	Không	2	Sắp xếp

PHỤ LỤC 2.
PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP TỔ DÂN PHỐ

STT	Tên hiện nay	Hình thức sắp xếp	Tên sau sắp xếp	Số hộ sau sắp xếp	Dân số sau sắp xếp	Nhà SH cộng đồng sau sắp xếp
1	TDP 5 + TDP 6	Sáp nhập, Đổi tên	Tổ dân phố số 1	674	2154	1
2	TDP 3 + TDP 4 + TDP 8 (một phần)	Sáp nhập, Đổi tên	Tổ dân phố số 2	809	2559	2
3	TDP 1 + TDP 7 + TDP 8 (phần còn lại)	Sáp nhập, Đổi tên	Tổ dân phố số 3	881	3001	2
4	TDP 21 + TDP 22 + TDP 23 + TDP 24	Sáp nhập, Đổi tên	Tổ dân phố số 4	892	2931	3
5	TDP 17 + TDP 19 + TDP 20	Sáp nhập, Đổi tên	Tổ dân phố số 5	819	2422	2
6	TDP 2 + TDP 15 + TDP 18	Sáp nhập, Đổi tên	Tổ dân phố số 6	956	2539	1
7	TDP 14 + TDP 16	Sáp nhập, Đổi tên	Tổ dân phố số 7	847	2893	2
8	TDP 11 + TDP 13	Sáp nhập, Đổi tên	Tổ dân phố số 8	924	2756	2
9	TDP 9 + TDP 10 + TDP 12	Sáp nhập, Đổi tên	Tổ dân phố số 9	901	2629	3
10	TDP 25 + TDP 32	Sáp nhập, Đổi tên	Tổ dân phố số 10	705	1673	2
11	TDP 26 + TDP 27 + TDP 28	Sáp nhập, Đổi tên	Tổ dân phố số 11	710	2011	2
12	TDP 29 + TDP 30 + TDP 47	Sáp nhập, Đổi tên	Tổ dân phố số 12	786	2287	2
13	TDP 31 + TDP 33	Sáp nhập, Đổi tên	Tổ dân phố số 13	797	2918	3
14	TDP 36 + TDP 37	Sáp nhập, Đổi tên	Tổ dân phố số 14	775	2433	1
15	TDP 38 + TDP 45 + TDP 46	Sáp nhập, Đổi tên	Tổ dân phố số 15	782	2544	1
16	TDP 34 + TDP 35	Sáp nhập, Đổi tên	Tổ dân phố số 16	1007	3144	1
17	TDP 41 + TDP 42 + TDP 43	Sáp nhập, Đổi tên	Tổ dân phố số 17	954	2672	1
18	TDP 39 + TDP 40 + TDP 44	Sáp nhập, Đổi tên	Tổ dân phố số 18	931	2949	1

PHỤ LỤC 3.
MẪU PHIẾU LẤY Ý KIẾN CỬ TRI ĐẠI DIỆN HỘ GIA ĐÌNH

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG BA ĐÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU LẤY Ý KIẾN CỬ TRI ĐẠI DIỆN HỘ GIA ĐÌNH
Về phương án sắp xếp tổ dân phố trên địa bàn phường Ba Đình

I. THÔNG TIN CỬ TRI TỔ DÂN PHỐ SỐ 1 (MỚI)

- **Họ và tên đại diện hộ gia đình (Ông/Bà):**
- **Địa chỉ:**
- **Tổ dân phố hiện nay:**

II. NỘI DUNG LẤY Ý KIẾN

Căn cứ Đề án sắp xếp Tổ dân phố (TDP) trên địa bàn phường Ba Đình, đề nghị Ông/Bà nghiên cứu nội dung dự thảo Đề án và cho ý kiến bằng cách đánh dấu (✓) vào ô lựa chọn tương ứng.

Trân trọng cảm ơn Ông/Bà!

STT	Nội dung lấy ý kiến	Đồng ý	Không đồng ý
1	Sự cần thiết thực hiện sắp xếp Tổ dân phố trên địa bàn phường	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2	Phương án sắp xếp Tổ dân phố số 01 (mới) theo Đề án của UBND phường là sáp nhập TDP số 5 và TDP số 6.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3	Phạm vi, ranh giới tổ dân phố sau sắp xếp sẽ do các cơ quan chức năng có thẩm quyền quyết định và thông tin rộng rãi đến Nhân dân trên địa bàn phường.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

III. Ý KIẾN KHÁC (Nếu có)

.....
.....

IV. XÁC NHẬN CỦA CỬ TRI

Tôi đã nghiên cứu nội dung dự thảo Đề án sắp xếp tổ dân phố trên địa bàn phường và tự nguyện tham gia ý kiến theo đề nghị của UBND phường Ba Đình./.

Ba Đình, ngày tháng năm 2026

CỬ TRI ĐẠI DIỆN HỘ GIA ĐÌNH

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

1. Mỗi hộ gia đình chỉ ghi ý kiến vào 01 phiếu; người ghi phiếu là người đại diện hộ gia đình.
2. Đánh dấu (✓) vào một trong hai ô “Đồng ý” hoặc “Không đồng ý”; nếu có ý kiến khác/kiến nghị thì ghi rõ vào Mục III.
3. Phiếu không xác định được ý kiến lựa chọn (hoặc đồng thời đánh dấu vào cả hai ô đối với cùng một nội dung) thì không tính vào kết quả biểu quyết của nội dung đó.
4. Phiếu do UBND phường Ba Đình ban hành và đóng dấu treo; việc phát, thu, kiểm phiếu, tổng hợp kết quả đờ thực hiện theo Kế hoạch số 222/KH-UBND ngày 12/6/2026 của UBND phường Ba Đình.

PHỤ LỤC 4.

UBND PHƯỜNG BA ĐÌNH
TỔ LẤY Ý KIẾN SỐ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN TỔNG HỢP
KẾT QUẢ LẤY Ý KIẾN CỬ TRI ĐẠI DIỆN HỘ GIA ĐÌNH
Về phương án sắp xếp tổ dân phố trên địa bàn phường Ba Đình

Hôm nay, hồi giờ phút, ngày tháng năm 2026,

tại

Chúng tôi gồm:

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

Cùng:

Tiến hành kiểm đếm, tổng hợp kết quả lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình đối với phương án sắp xếp tổ dân phố số (mới).

I. KẾT QUẢ PHÁT VÀ THU PHIẾU

Tổng số hộ gia đình thuộc phạm vi lấy ý kiến: hộ.

Tổng số phiếu phát ra: phiếu.

Tổng số phiếu thu về: phiếu.

Tỷ lệ thu phiếu: %

Số phiếu hợp lệ: phiếu.

Số phiếu không hợp lệ: phiếu.

II. KẾT QUẢ TỔNG HỢP Ý KIẾN

Đối với nội dung: "*Sự cần thiết thực hiện sắp xếp tổ dân phố trên địa bàn phường*"

Số phiếu đồng ý: phiếu, đạt %

Số phiếu không đồng ý: phiếu, đạt %

Đối với nội dung: "*Phương án sắp xếp tổ dân phố theo Đề án của UBND phường*"

Số phiếu đồng ý: phiếu, đạt %

Số phiếu không đồng ý: phiếu, đạt %

Đối với nội dung:

"Phạm vi, ranh giới tổ dân phố sau sắp xếp sẽ do các cơ quan chức năng có thẩm quyền quyết định và thông tin rộng rãi đến Nhân dân trên địa bàn phường"

Số phiếu đồng ý: phiếu, đạt %

Số phiếu không đồng ý: phiếu, đạt %

III. TỔNG HỢP Ý KIẾN KHÁC CỦA CỬ TRI (NẾU CÓ)

Các ý kiến đề nghị điều chỉnh, bổ sung:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Các ý kiến khác:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Biên bản được lập hồi giờ phút cùng ngày, đã được các thành viên tham gia thống nhất thông qua.

NGƯỜI GHI BIÊN BẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN TỔ TỔNG HỢP
(Ký, ghi rõ họ tên)

.....
XÁC NHẬN CỦA ĐƠN VỊ TIẾP NHẬN BIÊN BẢN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

.....

PHỤ LỤC 5.
BÁO CÁO TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN NHÂN DÂN

STT	Ý kiến/kiến nghị	Số lượng hộ/ý kiến	Nội dung tiếp thu, giải trình	Điều chỉnh trong Đề án
1	Có/Không
2

PHỤ LỤC 6.
PHƯƠNG ÁN BỔ TRÍ NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH
SAU SẮP XẾP

STT	TDP sau sắp xếp	Chức danh	Số lượng	Nhân sự dự kiến	Nhóm xử lý	Ghi chú
1	...	Tổ trưởng TDP	01	...	Tiếp tục bổ trí	...
2	...	Bí thư chi bộ/Trưởng ban công tác Mặt trận hoặc chức danh khác theo quy định	Thôi tham gia/Chưa bổ trí	...